

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KẾ SÁCH
TỈNH SÓC TRĂNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **17/2021/HNGĐ-ST**

Ngày: 12/3/2021

V/v *Tranh chấp Hôn nhân và gia đình*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Linh Đa.

Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Khanh.

2. Bà Lý Thị Miên Kim

- Thư ký phiên tòa: Trần Thị Cúc – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kế Sách.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách tham gia phiên tòa: Bà Đặng Xuân Mai – Kiểm sát viên.

Ngày 12/3/2021, tại phòng xử án thuộc trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kế Sách xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 571/2020/TLST-HNGĐ ngày 23/12/2020 về việc “Tranh chấp Hôn nhân và gia đình”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 45/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 24/02/2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Đỗ Thị Hồng Đ**, sinh năm 1993 (vắng mặt, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: ấp Hòa Lợi, xã Xuân Hòa, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

2. Bị đơn: Ông **Nguyễn Văn K**, sinh năm 1987 (vắng mặt, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: ấp Hòa Phú, xã Xuân Hòa, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

(Ông K đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Sóc Trăng)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Căn cứ vào đơn khởi kiện của nguyên đơn, qua xem xét lời khai và yêu cầu của các đương sự, qua xét hỏi trước tòa, nội dung vụ án được xác định như sau:

Theo đơn khởi kiện ngày 14/12/2020, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Đỗ Thị Hồng Đ trình bày: Vào năm 2014, bà Đ và ông K tự nguyện sống chung với nhau như vợ chồng nhưng đến nay chưa đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống, ông bà

có một con chung là cháu Đỗ Thị Hồng N, sinh ngày 23/12/2016, đang sống với mẹ. Do cuộc sống chung phát sinh nhiều mâu thuẫn, ông K thường có những hành vi bạo lực gia đình nên từ tháng 6/2020, ông bà đã ly thân đến nay. Nhận thấy vợ chồng sống không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, nay bà Đ yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về hôn nhân: Bà Đ yêu cầu không công nhận bà và ông K là vợ chồng.
- Về con chung: Bà Đ yêu cầu nuôi cháu Đỗ Thị Hồng N cho đến khi đủ 18 tuổi, không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con.
- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Văn K trình bày: Ông và bà Đ sống chung như vợ chồng từ năm 2014, có một con chung là cháu Đỗ Thị Hồng N, sinh ngày 23/12/2016 đang sống với bà Đ. Vợ chồng không có tạo lập được tài sản chung nào. Về nợ chung thì có một khoản nợ nhưng do ông K vay để tiêu xài nên sẽ tự chịu trách nhiệm trả, không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này. Vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bà Đ có quan hệ tình cảm với người khác. Nay ông đồng ý không công nhận mối quan hệ giữa ông và bà Đ là vợ chồng nhưng ông không đồng ý giao con cho bà Đ nuôi dưỡng. Ông yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu N và không yêu cầu bà Đ cấp dưỡng nuôi con. Ông K đang bị tạm giam nên không thể tham gia tố tụng tại Tòa án, do đó ông đề nghị Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử sau khi ông đã chấp hành án xong.

Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Thẩm phán tiến hành các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 như thẩm quyền thụ lý vụ án, xác định tư cách đương sự, quan hệ tranh chấp, thu thập chứng cứ. Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định pháp luật.

Về nội dung giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân : Bà Đ và ông K sống chung với nhau năm 2014 trên tinh thần tự nguyện nhưng không có đăng ký kết hôn. Theo quy định khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *“Nam, nữ có điều kiện đăng ký kết hôn theo quy định của luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng”*. Giữa bà Đ và ông K không cùng quan điểm sống, vợ chồng sống với nhau không có hạnh phúc. Nay bà Đ yêu cầu không công nhận bà và ông K là vợ chồng là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 14, Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về con chung: Bà Đ và ông K đều có yêu cầu nuôi cháu Đỗ Thị Hồng N, sinh ngày 23/12/2016 và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Theo quy định tại khoản 2 điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *“Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; ...”*. Xét thấy cháu N còn nhỏ và đang sống với mẹ là bà Đ. Còn

ông K hiện đang bị giam giữ tại trại giam công an tỉnh Sóc Trăng nên cần giao cháu N cho mẹ là bà Đ nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho các cháu. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho ông K không ai được quyền ngăn cản theo quy định tại Điều 58 Luật hôn nhân gia đình năm 2014. Ông K không phải cấp dưỡng nuôi con do bà Đ không yêu cầu. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

Từ những phân tích trên đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227 Bộ luật TTDS năm 2015; Điều 14, Điều 53, Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét thấy tại phiên tòa nguyên đơn bà Đỗ Thị Hồng Đ và ông Nguyễn Văn K vắng mặt nhưng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 227, 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Vào năm 2014, bà Đ và ông K cưới nhau trên tinh thần tự nguyện, nhưng đến nay không đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống, bà Đ và ông K phát sinh nhiều mâu thuẫn, hôn nhân không có hạnh phúc. Hội đồng xét xử thấy rằng, quan hệ hôn nhân phải được xây dựng trên cơ sở tự nguyện của hai bên, đồng thời phải đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Bà Đ và ông K chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn nên hôn nhân của ông bà không được pháp luật công nhận. Nay bà Đ yêu cầu không công nhận bà và ông K là vợ chồng là có căn cứ, cần được chấp nhận. Ông K cũng đã đồng ý với yêu cầu này của bà Đ. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đ.

[2.2] Về con chung: Bà Đ và ông K có 01 con chung là cháu Đỗ Thị Hồng N, sinh ngày 23/12/2016 hiện sống với mẹ và có cuộc sống tốt. Bà Đ và ông K đều có yêu cầu nuôi con chung. Tuy nhiên, ông K hiện đang bị tạm giữ và sắp tới còn phải chấp hành hình phạt tù của nhiều bản án hình sự nên không đủ điều kiện để trực tiếp nuôi con chung. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, tiếp tục giao cháu N cho bà Đ trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Đ không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[2.4] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Xét đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát: Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách như đã phân tích trên.

[4] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000 đồng, theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227, 228, 229; Điều 271, 273, Điều 278, Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 26 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014);

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

TUYÊN XỬ:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đỗ Thị Hồng Đ, không công nhận mối quan hệ vợ chồng giữa bà Đỗ Thị Hồng Đ và ông Nguyễn Văn K.

2. Về con chung: Giao cháu Đỗ Thị Hồng N, sinh ngày 23/12/2016 cho bà Đỗ Thị Hồng Đ trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi. Ghi nhận bà Đ không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con chung. Ông K được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung, không ai có quyền ngăn cản.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000 đồng, bà Đỗ Thị Hồng Đ phải chịu là 300.000 đồng, được khấu trừ vào Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008724 ngày 23/12/2020 do Chi cục thi hành án dân sự huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng đã thu.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đối với người vắng mặt được tính từ ngày

nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật, để Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xử phúc thẩm.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Kế Sách;
- Chi cục THADS huyện Kế Sách;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Linh Đa